

PHỤ LỤC III: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN

PHỤ LỤC III.1. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH KON TUM

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
I	HẠ TẦNG XÃ HỘI	6.557	1.732	691	385	1.205	576	80	3.620	
I.1	Khu đô thị, khu dân cư	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Hạ tầng khu đô thị, khu dân cư các huyện thành phố					x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, Các quy hoạch ngành các huyện, thành phố
I.2	Trụ sở cơ quan	800	800	335	385	0	0	80	0	
1	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Kon Tum	670	670	335	335					Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Trụ sở làm việc Công an huyện Tu Mơ Rông	70	70		20			50		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
3	Xây mới 9 trụ sở doanh trại Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	60	60		30			30		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
I.3	Công trình công cộng (Văn hóa - thể dục thể thao; thương mại dịch vụ - du lịch; y tế; giáo dục - đào tạo...)	5.757	932	356	0	1.205	576	0	3.620	

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
I.3.1	Thể dục thể thao	3.815	0	0	0	815	0	0	3.000	
1	Khu trung tâm nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và huấn luyện vận động viên quốc gia	2.315	0			315			2.000	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Dự án Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ và nâng cao thể lực kết hợp kinh doanh thương mại dịch vụ	1.500	0			500			1.000	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
I.3.2	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tại khu đất bên xe Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Trung tâm Thương mại - dịch vụ - văn phòng tại phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
3	Mở rộng, cải tạo nâng cấp gắn với phương án bố trí, sắp xếp lại trung tâm thương mại thành phố Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
4	Trung tâm thương mại	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
5	Dự án điểm dịch vụ và bến thuyền trên Sông Đăk Pô ne, thành phố Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
6	Trung tâm thương mại kết hợp nhà phố Shophouse tại lô đất 02 đường Bùi Thị Xuân, phường Quyết	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
	Thăng, thành phố Kon Tum (Trụ sở UBND phường Quyết Thắng)									
7	Khu du lịch sinh thái rừng Đặc dụng Đăk Uy	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
8	Dự án Du lịch Đăk Pxi	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
9	Dự án làng du lịch cộng đồng tại thôn Kon Trang Long Loi, thị trấn Đăk Hà gắn với khai thác phát triển du lịch lòng hồ thủy điện Plei Krông	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
10	Dự án Trạm dừng nghỉ tại rừng Đăk Uy, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
11	Dự án khu lịch sinh thái rừng thông thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
12	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, tắm bùn, suối khoáng, thác Đăk Lung	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
13	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm thương mại kết hợp chợ truyền thống Đăk Tô	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
14	Dự án đầu tư hạ tầng và du lịch thôn Đăk Sing, xã Văn Lem, huyện Đăk Tô	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
15	Trung tâm thương mại và tổ chức sự kiện (Nhà văn hóa trung tâm)	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
16	Dự án du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái gắn với trải nghiệm vườn dược liệu sâm Ngọc Linh tại xã Đăk Na	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
17	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp thương mại dịch vụ trung tâm huyện Tu Mơ Rông	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
18	Dự án Du lịch sinh thái thác Tea Rông	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
19	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics, kho bãi, dịch vụ cửa khẩu quốc tế Bờ Y	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
20	Khu du lịch sinh thái Đăk HNiêng, xã Pờ Y	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
21	Dự án Du lịch sinh thái Thác Chè, thôn Măng Khên, xã Đăk Man, huyện Đăk Glei	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
22	Đầu tư phát triển điểm du lịch sinh thái Vườn quốc gia Chư Mom Ray- Đầu tư Safari Ya Book	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
23	Khu du lịch hồ YaLy	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
24	Khu du lịch sinh thái suối nước nóng Đăk Kôi	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
25	Khu du lịch sinh thái thác thôn 1, thôn 7 xã Đăk Kôi	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
26	Khu du lịch nghỉ dưỡng suối nước Đăk Toa	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
27	Khu du lịch sinh thái Nước Nhê thôn 1 xã Đăk Tô Lung	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
28	Hệ thống bến, bãi đỗ xe	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
29	Đầu tư chợ trên địa bàn các huyện thành phố	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
30	Khu đô thị mới số 1 Đông Bắc dọc tuyến tránh đường HCM	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
31	Khu đô thị sinh thái Tây phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
32	Khu đô thị mới phía Tây phường Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
33	Khu đô thị sinh thái - du lịch gắn với công viên phía Bắc Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
34	Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
35	Khu du lịch sinh thái cộng đồng gắn với Sông Đăk Pô ne	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
36	Các dự án tại Khu đô thị - du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thể thao	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
37	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
38	Khu đô thị thương mại, dịch vụ dọc tuyến Quốc lộ 24	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
39	Khu đô thị, thương mại, dịch vụ mới khu vực dự kiến xây dựng Trung tâm hành chính thành phố Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
40	Xây dựng dự án công viên cây xanh, khu thương mại dịch vụ và nhà ở, biệt thự nghỉ dưỡng	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
41	Trung tâm thương mại kết hợp nhà phố - Đường Bà Triệu - Thành phố Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
42	Dự án khu đô thị mới tổ dân phố 5, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà (phía Đông của Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc)	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
43	Dự án khu đô thị mới tổ dân phố 10, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
44	Dự án khu đô thị mới tổ dân phố 4B, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
45	Dự án khu đô thị mới tổ dân phố 6, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà (phía Đông của kho Huy Hùng)	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
46	Khu đô thị dọc sông Đăk Tô Kan (đoạn từ cầu 42 đến giáp suối Hồ Sen), thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
47	Nhà phố liền kề (Khu vực chợ khối 4 cũ)	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
48	Khu đô thị phía bắc đường Trường Chinh	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
49	Khu đô thị - dịch vụ, du lịch; làng nghề tiểu thủ công nghiệp	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
50	Dự án xây dựng khu đô thị mới Plei Kần	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
51	Dự án Trung tâm thương mại và nhà phố thương mại chợ Ngọc Hồi	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
52	Dự án xây dựng khu đô thị phía Đông thị trấn Plei Kần	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
53	Dự án xây dựng khu đô thị phía Bắc thị trấn Plei Kần	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
54	Dự án khai thác quỹ đất, mở rộng không gian đô thị khu Thương mại - Giáo dục và dân cư phía tây thị trấn huyện lỵ Kon Rẫy	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
55	Dự án Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ và nâng cao thể lực kết hợp kinh doanh thương mại, dịch vụ	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
56	Dự án khu thương mại, dịch vụ và nhà ở phía Nam hồ Toong Đam, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
57	Dự án Khu nhà ở liền kề có vườn tại thị trấn Măng Đen	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
58	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thể thao tại xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
59	Khu đô thị, tổ hợp dịch vụ thuộc phân khu đông nam thị trấn Măng Đen	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
60	Khu phức hợp nhà ở, thương mại, du lịch dịch vụ, sân golf quy mô lớn tại Măng Đen	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
61	Khu phức hợp nhà ở, thương mại, du lịch dịch vụ, sân golf quy mô lớn tại Măng Cành	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
62	Khu phức hợp nhà ở, thương mại, du lịch dịch vụ, sân golf quy mô lớn tại xã Hiếu, Pờ Ê	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
63	Khu phức hợp nhà ở, thương mại, du lịch dịch vụ, sân golf quy mô lớn tại Đăk Tăng, Măng Bút	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
64	Khu phức hợp nhà ở, thương mại, du lịch dịch vụ, sân golf quy mô lớn tại Đăk Nên, Ngọc Tem	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
65	Khu đô thị sinh thái Hồ Kon Prai	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
66	Khu đô thị thương mại - dịch vụ hồ Nước Long	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
67	Khu đô thị sinh thái Tu Răng	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
68	Khu đô thị sinh Măng Cành	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
69	Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng Hiếu	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
70	Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, trải nghiệm Măng Bút	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
71	Bảo tàng Măng Đen, thị trấn Măng Đen.	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
72	Các khu đô thị, tổ hợp dịch vụ, du lịch thuộc quy hoạch khu du lịch sinh thái Măng Đen	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
73	Dự án đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
74	Các dự án sân Golf theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch sinh thái Măng Đen	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
75	Khu phố đêm Măng Đen	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
76	Trung tâm tài chính	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
77	Các công trình hạ tầng kỹ thuật theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, Quy hoạch vùng huyện Kon Plông, Quy hoạch chung	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
	xây dựng và các quy hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.									
78	Các dự án đầu tư phát triển đô thị, khu du lịch theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, Quy hoạch vùng huyện Kon Plông, Quy hoạch chung xây dựng và các quy hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
I.3.3	Y tế	670	470	144	0	150	326	0	50	
1	Bệnh viện chất lượng cao huyện Đăk Hà	70	70	20			50			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Bệnh viện chất lượng cao	100	0			100				Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
3	Đầu tư mở rộng Trung tâm y tế huyện Ngọc Hồi	50	50	50						Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
4	Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Kon Tum	76	76				76			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
5	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum từ bệnh viện hạng II lên bệnh viện hạng I quy mô 750 giường bệnh (giai đoạn 2)	274	274	74			200			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
6	Khu chăm sóc sức khỏe chất lượng cao trên địa huyện Kon Plông	100	0			50			50	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
I.3.4	Văn hoá - Giáo dục & Đào tạo	642	462	212	0	60	250	0	120	
1	Trường học chất lượng cao thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà	100	100	50			50			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Trường học chất lượng cao phường Trường Chinh	80	0			30			50	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
3	Trường học chất lượng cao phường Ngô Mây	100	0			30			70	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
4	Xây dựng mới Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện Đăk Hà	100	100	50			50			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
5	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh	162	162	62			100			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
6	Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	100	100	50			50			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
I.3.5	Công viên - cây xanh	630	0	0	0	180	0	0	450	

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
1	Công viên văn hoá Măng Đen	170	0			70			100	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Công viên thảo mộc thế giới	200	0			50			150	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
3	Xây dựng dự án công viên cây xanh, khu thương mại dịch vụ và nhà ở, biệt thự nghỉ dưỡng	260	0			60			200	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT	61.278	16.273	1.556	3.062	8.455	2.705	8.950	36.550	
II.1	Giao thông	53.388	15.483	1.256	3.062	4.905	2.215	8.950	33.000	
1	Dự án Cảng hàng không Măng Đen	4.932	0			932			4.000	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Cao tốc Ngọc Hồi- Kon Tum - Pleiku	13.000	0			3.000			10.000	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
3	Cao tốc Quảng Ngãi - KonTum (giai đoạn 1)	19.973	0			973			19.000	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
4	Đường Hồ Chí Minh	0	0							Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
-	Cải tạo nâng cấp đoạn Đăk Glei - Đăk Tô và đoạn Đăk Tô - Kon Tum	1.165	1.165		165			1.000		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Tuyến tránh huyện Đăk Hà	1.050	1.050		150			900		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Tuyến tránh huyện Đăk Tô	800	800		200			600		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Tuyến tránh huyện Ngọc Hồi	900	900		200			700		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Tuyến tránh huyện Đăk Glei	900	900		200			700		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
5	Quốc lộ 24	0	0							Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đoạn Km69 - Km89+513	1.070	1.070		70			1.000		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Các đoạn còn lại - Quốc lộ 24	960	960		960					Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Tuyến tránh trung tâm huyện Kon Rẫy - Quốc lộ 24	200	200		50			150		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
6	Quốc lộ 14C	1.144	1.144		144			1.000		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
7	Quốc lộ 40	323	323		123			200		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
8	Quốc lộ 40B	950	950		250			700		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
9	Quốc lộ 24D	2.550	2.550		550			2.000		Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
10	Đường tỉnh 671A (ĐT.671)	0	0							Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đoạn 1: Xây dựng cầu và đường hai đầu cầu từ bến du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (Tỉnh lộ 671) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly huyện Sa Thầy	169	169	69			100			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đoạn 2: Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (đường Đồng Nai), thành phố Kon Tum	129	129	29			100			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đoạn 3: Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km0 – Km17; Km42+400 – Km49+500	386	386	186			200			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đoạn 4: Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km 17 - Km34	292	292	92			200			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
-	Đoạn còn lại - Đường tỉnh 671 (ĐT.671)	215	215	100			115			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
11	Đường Vành đai VĐ- TP. Kon Tum (KT-VĐ) – VĐ1 (Xây dựng mới khoảng 15,88 km)	700	700	200			500			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
12	Các đường huyện giao thông khác của các huyện, thành phố									Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
13	Một số công trình hạ tầng kỹ thuật khác(Cầu vượt, sông, cầu đô thị, bến xe, hầm)	1.580	1.580	580			1.000			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
II.2	Hệ thống cấp, thoát nước và môi trường	7.450	350	150	0	3.550	200	0	3.550	
II.2.1	Hạ tầng cấp thoát nước	6.200	200	100	0	3.000	100	0	3.000	
1	Nhà máy cấp nước	2.000	0			1.000			1.000	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Trạm xử lý nước thải	2.000	0			1.000			1.000	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
3	Cấp nước sinh hoạt, giếng khoan	2.000	0			1.000			1.000	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
4	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước, vỉa hè một số tuyến đường nội thành	200	200	100			100			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
II.2.1	Hạ tầng xử lý môi trường	1.250	150	50	0	550	100	0	550	
1	Dự án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải	1.000	0			500			500	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Nhà máy xử lý và tái chế rác thải Kon Rẫy	50	0			25			25	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
3	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Kon Plông	50	0			25			25	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
4	Cải thiện cơ sở hạ tầng môi trường đô thị, giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu thành phố Kon Tum - Hợp phần Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	150	150	50			100			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
II.3	Cấp điện, chiếu sáng ngõ hẻm	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng mới các trạm biến áp 110 KV (Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Bờ Y 2, Đăk Hà 2, Sa Thầy, Ia H'Drai, Kon Tum 3, Hòa Bình, Kon Rẫy, Kon Plông 2)	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Cải tạo, nâng cấp công suất các trạm biến áp 110 KV hiện hữu (Kon Tum 2, Đăk Tô, Kon Plông, Đăk Hà, Bờ Y, Kon Tum, Tân Mai, Thượng Kon Tum)	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
3	Xây dựng các trạm biến áp đấu nối nguồn điện theo quy hoạch quốc gia	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
4	Xây dựng mới đường dây 110 KV	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Bờ Y	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	TBA 110kV Bờ Y-Đăk Glei	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Tu Mơ Rông - Đăk Ruồi	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Tu Mơ Rông - Đăk Psi 2B	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Bờ Y 220 - Bờ Y 2	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đầu nối TBA 110kV Đăk Hà 2	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đầu nối TBA 110kV Sa Thầy	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Sa Thầy - Ia H'Drai	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
-	Đầu nối TBA 110kV Kon Tum 3	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đầu nối TBA 110kV Hòa Bình	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đường dây 110kV mạch kép TBA 220kV Kon Tum - Kon Plông	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đầu nối TBA 110kV Kon Rẫy	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Nhánh rẽ TBA 110kV Thượng Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Kon Plông 2 - TBA 220kV Kon Plông	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đường dây 110kV Thủy điện Đăk Ne - TBA 110kV Kon Plông	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Kon Plông	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
5	cải tạo, nâng tiết diện Đường dây 110kV	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
-	Kon Tum 220 - Đăk Hà	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Kon Tum 220 - Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	Mạch 2 Đăk Tô -Bờ Y	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
-	TBA 500kV Pleiku - TBA 110kV Kon Tum	-	-			x			x	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
II.3	Hạ tầng thủy lợi, hồ chứa, kè chống sạt lở	440	440	150	0	0	290	0	0	
1	Hồ Kon Braih 3	20	20				20			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
2	Kè chống sạt lở suối Đăk Sia đoạn qua xã Sa Nhơn, Sa Nghĩa và thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	120	120	50			70			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
3	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum	200	200	100			100			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
4	Hồ Nước Long	20	20				20			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng mức NSNN	Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				NST	NSTW	Khác	NST	NSTW	Khác	
5	Hồ chứa Đăk Chà Mòn I	20	20				20			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
6	Hồ chứa Đăk Prét	20	20				20			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
7	Hồ chứa Kon Tu	20	20				20			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
8	Hồ chứa Đăk Loh	20	20				20			Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030
TỔNG CỘNG		67.835	18.005	2.247	3.447	9.660	3.281	9.030	40.170	

Ghi chú:

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.
- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục nêu trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương,... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.
- (x) Giai đoạn thực hiện dự án

**PHỤ LỤC III.2. DANH MỤC DỰ ÁN KHẮC PHỤC CÁC TIÊU CHÍ CHƯA ĐẠT
TẠI CÁC ĐÔ THỊ TỈNH KON TUM**

TT	Tiêu chuẩn chưa đạt	Giải pháp khắc phục	Giai đoạn 2024 - 2025	Giai đoạn 2026-2030
I. THÀNH PHỐ KONTUM				
1	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước	- Phát triển thương mại dịch vụ; Thu hút đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người dân nhằm tăng nguồn thu nhập bình quân	x	x
2	Mật độ dân số toàn đô thị	- Xây dựng các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn thành phố	x	x
		- Phát triển thương mại dịch vụ kết hợp du lịch và đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thu hút nguồn lao động và du khách cả nước.	x	x
3	Tỷ lệ giao thông so với đất xây dựng đô thị	- Đầu tư xây dựng và nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn thành phố (Đối với các trục đường chính đô thị mặt cắt $\geq 7m$)	x	x
4	Mật độ đường giao thông	- Nâng cấp cải tạo xây mới các tuyến đường giao thông đô thị trên địa bàn	x	x
5	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	- Xây dựng nhà máy xử lý nước thải trên địa bàn thành phố	x	
6	Tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính	- Lập đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Kon Tum	x	
7	Công trình xanh	- Lập đề án đánh giá công trình xanh đô thị	x	
8	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch Thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	- Đối với việc lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch các khu đô thị mới cần thiết kế theo hướng đô thị xanh thông minh	x	

II. ĐÔ THỊ NGỌC HỒI				
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	- Cơ cấu chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng thương mại dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm ngư nghiệp.	x	x
		- Phát triển các ngành thương mại dịch vụ, kết hợp du lịch	x	x
		- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn đô thị Ngọc Hồi	x	x
2	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	- Đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở trên địa bàn	x	x
3	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	- Xây dựng bến xe trung tâm và các điểm trung chuyển trên địa bàn đô thị Ngọc Hồi		x
4	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	- Xây dựng thêm 1 nhà máy cấp nước trên địa bàn đô thị Ngọc Hồi		x
5	Thuê bao băng di động/100 dân	- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng bưu chính viễn thông trên địa bàn	x	x
6	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	- Xây dựng nhà máy xử lý nước thải trên địa bàn đô thị Ngọc Hồi		x
7	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng, Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	- Xây dựng nhà tang lễ trên địa bàn đô thị Ngọc Hồi		x
8	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	- Lập đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn đô thị Ngọc Hồi		x
9	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	- Lập đề án đánh giá công trình xanh đô thị		x
10	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh.	- Đối với việc lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch các khu đô thị mới cần thiết kế theo hướng đô thị xanh thông minh	x	x

II.1 ĐÔ THỊ THỊ TRẤN PLEI KÀN (MỞ RỘNG)

1	Mật độ dân số khu vực nội thị	- Xây dựng các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn đô thị thị trấn Plei Kàn mở rộng	x	x
		- Phát triển thương mại dịch vụ kết hợp du lịch và đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thu hút nguồn lao động và du khách cả nước.	x	x
2	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	- Đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở trên địa bàn	x	x
3	Mật độ đường giao thông (MC lòng đường ≥ 7 m)	- Đầu nâng cấp mở rộng và xây mới hệ thống đường giao thông trục chính đô thị	x	x
4	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	- Xây dựng nhà máy cấp nước trên địa bàn đô thị thị trấn Plei Kàn mở rộng		x
5	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	- Xây dựng nhà máy xử lý nước thải trên địa bàn đô thị thị trấn Plei Kàn		x
6	Nhà tang lễ	- Xây dựng nhà tang lễ trên địa bàn thị trấn Plei Kàn		x
7	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	- Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Plei Kàn		x
8	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	- Lập đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn thị trấn Plei Kàn mở rộng		x
9	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận, Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	- Đối với việc lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch các khu đô thị mới cần thiết kế theo hướng đô thị xanh thông minh		x

III. ĐÔ THỊ THỊ TRẤN ĐẮK TÔ

1	Mật độ dân số toàn đô thị	- Xây dựng các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn đô thị thị trấn Đăk Tô mở rộng	x	x
		- Phát triển thương mại dịch vụ kết hợp du lịch và đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thu hút nguồn lao động và du khách cả nước.	x	x
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	- Cơ cấu chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng thương mại dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm ngư nghiệp.	x	x
		- Phát triển các ngành thương mại dịch vụ, kết hợp du lịch	x	x
	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị	- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn đô thị Ngọc Hồi	x	x
4	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	- Đầu tư xây dựng nhà thi đấu trên địa bàn thị trấn Đăk Tô	x	
5	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	- Xây dựng nhà máy xử lý nước thải trên địa bàn thị trấn Đăk Tô		x
6	Nhà tang lễ	- Xây dựng nhà tang lễ trên địa bàn thị trấn	x	
7	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	- Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng phần đầu đạt 10% giai đoạn 2025; 15% vào giai đoạn 2030	x	x
8	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	- Lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	x	
9	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	- Lập đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn thị trấn	x	
10	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	- Lập đề án đánh giá công trình xanh đô thị	x	
11	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	- Đối với việc lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch các khu đô thị mới cần thiết kế theo hướng đô thị xanh thông minh	x	x
IV. ĐÔ THỊ THỊ TRẤN ĐẮK HÀ				
1	Mật độ dân số trung bình toàn đô thị	- Xây dựng các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn đô thị thị trấn Đăk Hà	x	x

		- Phát triển thương mại dịch vụ kết hợp du lịch và đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thu hút nguồn lao động và du khách cả nước.	x	x
2	Công trình văn hóa cấp đô thị (nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hóa)	- Xây dựng nhà văn hoá trên địa bàn thị trấn Đăk Hà	x	
		- Xây dựng thư viện thị trấn Đăk Hà	x	
3	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	- Xây dựng nhà máy xử lý nước thải đô thị trên địa bàn thị trấn	x	
4	Nhà tang lễ	- Xây dựng nhà tang lễ trên địa bàn thị trấn	x	
5	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	- Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị	x	
6	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	- Đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn thị trấn	x	
7	Công trình KT tiêu biểu	- Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận	x	x
8	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	- Lập đề án đánh giá công trình xanh đô thị	x	
9	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	- Đối với việc lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch các khu đô thị mới cần thiết kế theo hướng đô thị xanh thông minh	x	x
V. ĐÔ THỊ THỊ TRẤN ĐĂK RVE				

1	Tỷ lệ hộ nghèo chuẩn đa chiều	Bố trí các chương trình, chính sách hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người dân nghèo được ưu đãi vay vốn phát triển kinh tế...		x
2	MĐ DS trung bình toàn đô thị	Phát triển dự án công nghiệp, thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, thu hút dân cư cơ học từ du lịch, công nghiệp hoặc nông nghiệp công nghệ cao, kêu gọi hình thức các dự án bằng hình thức xã hội hóa, Hỗ trợ dự án nhà ở xã hội, khu đô thị, khu dân cư...		x
3	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	Lập đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị		x
4	Công trình KT tiêu biểu	- Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận		x
5	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	- Lập đề án đánh giá công trình xanh đô thị		x
6	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	- Đối với việc lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch các khu đô thị mới cần thiết kế theo hướng đô thị xanh thông minh		x
VI. ĐÔ THỊ THỊ TRẤN MẶNG ĐEN				
1	Tỷ lệ hộ nghèo chuẩn đa chiều	Bố trí các chương trình, chính sách hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người dân nghèo được ưu đãi vay vốn phát triển kinh tế...		x
2	Tỷ lệ tăng dân số	Phát triển dự án công nghiệp, thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, thu hút dân cư cơ học từ du lịch, công nghiệp hoặc nông nghiệp công nghệ cao, kêu gọi hình thức các dự án bằng hình thức xã hội hóa, Hỗ trợ dự án nhà ở xã hội, khu đô thị, khu dân cư...		x
3	MĐ DS trung bình toàn đô thị			x
4	MĐ DS trung bình khu vực nội thị			x
5	Tỷ lệ phi nông nghiệp toàn đô thị			x
6	Tỷ lệ phi nông nghiệp khu vực nội thị			x

7	Tỷ lệ đất giao thông khu vực NT so với đất xây dựng ĐT	Đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối khu dân cư, mở rộng hoặc cải tạo các tuyến đường hiện hữu, đảm bảo an toàn giao thông và tiện ích đi lại, vận chuyển (ưu tiên mở rộng mặt cắt đường 7m trở lên)		x
8	Mật độ đường giao thông đô thị			x
9	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	Đầu tư, cải tạo hệ thống cấp điện, đường dây, trạm biến áp tới các hộ chưa được sử dụng điện hoặc thiếu điện, khuyến khích người dân sử dụng hệ thống cấp điện năng lượng mặt trời, năng lượng gió...		x
10	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	Tăng cường hệ thống chiếu sáng đường phố, ngõ ngách, hẻm bằng các thiết bị chiếu sáng, kêu gọi đầu tư xã hội hóa		x
11	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng			x
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	Xây dựng hệ thống thoát nước bố trí dọc 2 bên đường giao thông đô thị		x
13	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	Rà soát công trình tiềm năng, hoặc dự kiến thực hiện xây mới công trình theo tiêu chí đánh giá Lotut (Nghị Quyết 26/UBTVQH15)		x
14	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Áp dụng lồng ghép hoặc lập quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu hoặc chi tiết		x
VII. ĐÔ THỊ THỊ TRẤN SA THẦY				
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đảm bảo cân đối thu- chi kết dư		x
2	Tỷ lệ phi nông nghiệp toàn đô thị	Phát triển dự án công nghiệp, thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, thu hút dân cư cơ học từ du lịch, công nghiệp hoặc nông nghiệp công nghệ cao, kêu gọi hình thức các dự án bằng hình thức xã hội hóa, Hỗ trợ dự án nhà ở xã hội, khu đô thị, khu dân cư...		x
3	Tỷ lệ phi nông nghiệp khu vực nội thị			x
4	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	Xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp, các khu dân cư, khu tái định cư...		x

5	Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng đô thị	Đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối khu dân cư, mở rộng hoặc cải tạo các tuyến đường hiện hữu, đảm bảo an toàn giao thông và tiện ích đi lại, vận chuyển (ưu tiên mở rộng mặt cắt đường 7m trở lên)		x
6	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tăng tỷ lệ cấp nước sinh hoạt qua hệ thống cấp nước sạch đô thị		x
7	Thuê bao băng rộng di động/100 dân	Tăng tỷ lệ phủ sóng internet, cáp quang, xây dựng hệ thống thoát nước dọc 2 bên trục đường giao thông đô thị		x
8	Tỷ lệ nước sạch đô thị được xử lý đạt chuẩn kỹ thuật	Nước thải các khu công nghiệp, các hộ kinh doanh phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải, người dân khuyến khích sử dụng bể hoại		x
9	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	Xây dựng hệ thống, đội ngũ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt tới nơi xử lý hoặc chôn lấp đảm bảo vệ sinh môi trường		x
10	Nhà tang lễ	Khuyến khích, tuyên truyền người dân sử dụng hình thức hỏa táng thể hiện sự văn minh, bảo vệ môi trường		x
11	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng			x
12	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	Xây dựng 01 công viên và 01 viên, hoa viên		x
13	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị bình quân trên đầu người			x
14	Quy chế quản lý kiến trúc	Cần thực hiện lập Quy chế quản lý kiến trúc khi QHC được duyệt theo quy định của Nghị định 85/CP và Luật Kiến trúc 2019		x
15	Tỷ lệ tuyến phố văn minh	Lập đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị		x
16	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	Rà soát công trình tiềm năng, hoặc dự kiến thực hiện xây mới công trình theo tiêu chí đánh giá Lotut (Nghị Quyết 26/UBTVQH15)		x

17	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch, thiết chế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Áp dụng lồng ghép hoặc lập quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu hoặc chi tiết theo thiết kế mô hình xanh...		x
VIII. ĐÔ THỊ THỊ TRẤN ĐẮK GLEI				
1	Tỷ lệ hộ nghèo chuẩn đa chiều	Bố trí các chương trình, chính sách hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người dân nghèo được ưu đãi vay vốn phát triển kinh tế...		x
2	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	Xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp, các khu dân cư, khu tái định cư...		x
3	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	Đầu tư, cải tạo hệ thống cấp điện, đường dây, trạm biến áp tới các hộ chưa được sử dụng điện hoặc thiếu điện, khuyến khích người dân sử dụng hệ thống cấp điện năng lượng mặt trời, năng lượng gió...		x
4	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch đô thị, đảm bảo 90% dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước		x
5	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Nước thải các khu công nghiệp, các hộ kinh doanh phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải, người dân khuyến khích sử dụng bể hoại		x
6	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	Lập đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị		x
7	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	Rà soát công trình tiềm năng, hoặc dự kiến thực hiện xây mới công trình theo tiêu chí đánh giá Lotut (Nghị Quyết 26/UBTVQH15)		x
8	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch	Áp dụng lồng ghép hoặc lập quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu hoặc chi tiết theo thiết kế mô hình xanh...		x
IX. ĐÔ THỊ TRUNG TÂM HUYỆN KON RẪY				
1	Tỷ lệ tăng dân số	Phát triển dự án công nghiệp, thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, thu hút dân cư cơ học từ du lịch, công nghiệp		x
2	MĐ DS trung bình toàn đô thị			x

3	MĐ DS trung bình khu vực nội thị	hoặc nông nghiệp công nghệ cao, kêu gọi hình thức các dự án bằng hình thức xã hội hóa, Hỗ trợ dự án nhà ở xã hội, khu đô thị, khu dân cư...		x
4	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người			x
5	Đất xây dựng các công trình DV-CC đô thị bình quân đầu người	Xây dựng 01 công trình Thể dục thể thao, Nhà thi đấu hoặc Sân vận động phục vụ người dân đô thị		x
6	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân	Xây dựng, cải tạo trung tâm y tế cấp huyện, đảm bảo cơ sở vật chất, số giường bệnh và công nghệ y tế đáp ứng khám chữa bệnh cho người dân đô thị		x
7	Tỷ lệ đất giao thông khu vực NT so với đất xây dựng ĐT	Đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối khu dân cư, mở rộng hoặc cải tạo các tuyến đường hiện hữu, đảm bảo an toàn giao thông và tiện ích đi lại, vận chuyển (ưu tiên mở rộng mặt cắt đường 7m trở lên)		x
8	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch đô thị, đảm bảo 90% dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước		x
9	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch đô thị, đảm bảo 90% dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước, trung bình mỗi người dân được cấp từ 100-120l nước/ngđ,		x
10	Thuê bao băng rộng di động/100 dân; Mật độ đường cống thoát nước chính	Tăng tỷ lệ phủ sóng internet, cáp quang, xây dựng hệ thống thoát nước dọc 2 bên trục đường giao thông đô thị		x
11	Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	Khuyến khích, tuyên truyền người dân sử dụng hình thức hòa táng thể hiện sự văn minh, bảo vệ môi trường		x
12	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Cần thực hiện lập Quy chế quản lý kiến trúc khi QHC được duyệt theo quy định của Nghị định 85/CP và Luật Kiến trúc 2019		x
13	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	Lập đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị		x
14	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận;	Rà soát công trình tiềm năng, hoặc dự kiến thực hiện xây mới công trình theo tiêu chí đánh giá Lotut (Nghị Quyết 26/UBTVQH15)		x

15	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Áp dụng lồng ghép hoặc lập quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu hoặc chi tiết theo thiết kế mô hình xanh...		x
X. ĐÔ THỊ TRUNG TÂM HUYỆN TU MỞ RỘNG				
1	Tỷ lệ hộ nghèo chuẩn đa chiều	Bố trí các chương trình, chính sách hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người dân nghèo được ưu đãi vay vốn phát triển kinh tế...		x
2	MĐ DS trung bình toàn đô thị	Phát triển dự án công nghiệp, thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, thu hút dân cư cơ học từ du lịch, công nghiệp hoặc nông nghiệp công nghệ cao, kêu gọi hình thức các dự án bằng hình thức xã hội hóa, Hỗ trợ dự án nhà ở xã hội, khu đô thị, khu dân cư...		x
3	MĐ DS trung bình khu vực nội thị			x
4	Tỷ lệ PNN toàn đô thị			x
5	Tỷ lệ PNN khu vực nội thị			x
6	Công trình TDTT cấp đô thị (SVĐ, nhà thi đấu, CLB)	Xây dựng 01 công trình Thể dục thể thao, Nhà thi đấu hoặc Sân vận động phục vụ người dân đô thị		x
7	Mật độ đường giao thông đô thị	Đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối khu dân cư, mở rộng hoặc cải tạo các tuyến đường hiện hữu, đảm bảo an toàn giao thông và tiện ích đi lại, vận chuyển (ưu tiên mở rộng mặt cắt đường 7m trở lên)		x
8	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	Đầu tư, cải tạo hệ thống cấp điện, đường dây, trạm biến áp tới các hộ chưa được sử dụng điện hoặc thiếu điện, khuyến khích người dân sử dụng hệ thống cấp điện năng lượng mặt trời, năng lượng gió...		x
9	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch đô thị, đảm bảo 90% dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước, trung bình mỗi người dân được cấp từ 100-120l nước/ngđ,		x
11	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Cần thực hiện lập Quy chế quản lý kiến trúc khi QHC được duyệt theo quy định của Nghị định 85/CP và Luật Kiến trúc 2019		x
12	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	Lập đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị		x

13	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	Rà soát công trình tiềm năng, hoặc dự kiến thực hiện xây mới công trình theo tiêu chí đánh giá Lotut (Nghị Quyết 26/UBTVQH15)		x
14	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Áp dụng lồng ghép hoặc lập quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu hoặc chi tiết		x
XI. ĐÔ THỊ TRUNG TÂM HUYỆN IA H'DRAI				
1	Tỷ lệ hộ nghèo chuẩn đa chiều	Bố trí các chương trình, chính sách hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người dân nghèo được ưu đãi vay vốn phát triển kinh tế...		x
2	Dân số toàn đô thị	Xem xét đầu tư dự án công nghiệp, du lịch, xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, Các khu đô thị, khu dân cư...		x
3	Dân số khu vực nội thị			x
4	MĐ DS trung bình toàn đô thị			x
5	MĐ DS trung bình khu vực nội thị			x
6	Công trình TĐTT cấp đô thị (SVĐ, nhà thi đấu, CLB);	Xây dựng 01 công trình Thể dục thể thao, Nhà thi đấu hoặc Sân vận động phục vụ người dân đô thị		x
8	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	Khuyến khích, tuyên truyền người dân sử dụng hình thức hỏa táng thể hiện sự văn minh, bảo vệ môi trường		x
9	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	Lập đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị		x
10	Công trình KT tiêu biểu	Rà soát các công trình hoặc đề xuất công trình kiến trúc, lịch sử... để trình UBND tỉnh phê duyệt		x
11	Công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	Rà soát công trình tiềm năng, hoặc dự kiến thực hiện xây mới công trình theo tiêu chí đánh giá Lotut (Nghị Quyết 26/UBTVQH15)		x
12	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Áp dụng lồng ghép hoặc lập quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu hoặc chi tiết		x

XII. ĐÔ THỊ MÔ RAI				
1	Lập quy hoạch chung đô thị Mô Rai	Thực hiện lập QHC đối với đô thị mới		x
2	Lập chương trình phát triển đô thị Mô Rai	Thực hiện lập CTPT ĐT song song hoặc sau khi QHC được phê duyệt		x
3	Đầu tư các dự án phát triển đô thị theo tiêu chí đô thị loại V	Các dự án được chỉ rõ tại CTPT ĐT được lập, đề xuất dự án nếu có		x
4	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Cần thực hiện lập Quy chế quản lý kiến trúc khi QHC được duyệt theo quy định của Nghị định 85/CP và Luật Kiến trúc 2019		x
5	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch đô thị, đảm bảo 90% dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước		x

* **Ghi chú:** Quy mô đầu tư, nguồn vốn đầu tư được xác định cụ thể tại Chương trình phát triển đô thị của từng đô thị và theo kế hoạch đầu tư công xác định trong từng giai đoạn.

**PHỤ LỤC III.3. DANH MỤC DỰ ÁN LẬP QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ,
ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

ST T	Tên đô thị	Loại đô thị		Quy mô (ha)	Chi phí lập QHC (tỷ đồng)		Chi phí lập CTPĐĐT, KVPTĐT (tỷ đồng)		Chi phí lập Đề án phân loại đô thị (tỷ đồng)		Tổng (tỷ đồng)		Ghi chú
		Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn đến 2030		Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn 2026-2030	
1	Thành phố Kon Tum	II	II	43.601,18	7,295		1,25				8,548	0	
2	Thị xã Ngọc Hồi	Chưa phân loại	IV	67.936,22	12,000		0,95		1,001		12,000	1,951	
	<i>Thị trấn Plei Kần</i>	IV	<i>Trở thành phường nội thị thị xã Ngọc Hồi</i>	2.896,20	-						-	0	
3	Thị trấn Đăk Tô	IV	IV	3.953,00	5,479		0,49		1,001		6,970	0	
4	Thị trấn Đăk Hà	IV	IV	1.547,42	5,190		0,7		1,001		6,891	0	

5	Thị trấn Sa Thầy	V	IV	1.393,13	3,860			0,42		1,001	3,860	1,421	
6	Thị trấn Măng Đen	V	IV	14.806,63	6,899			0,35		1,001	6,899	1,351	
7	Thị trấn Đăk Rve	V	V	5.093,91	-			0,35			-	0,35	
8	Thị trấn Đăk Glei	V	V	9.324,00	6,000			0,35			6,000	0,35	
9	Thị trấn Kon Rẫy	Chưa phân loại	V	2.019,00	2,400			0,455		0,416	2,400	0,871	
10	Thị trấn Tu Mơ Rông	Chưa phân loại	V	9.574,00	3,716			0,455		0,416	3,716	0,871	
11	Thị trấn Ia H'Drai	Chưa phân loại	V	2.701,87	3,052			0,455		0,416	3,052	0,871	
12	Đô thị mới Mô Rai, huyện Sa Thầy	Chưa phân loại	V	58.391,79	7,400			0,455		0,416	7,400	0,871	
13	Tổng cộng			223.238,35	63,29	-	2,44	4,24	2,00	4,67	67,74	8,907	-